

Bản án số: **153/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 31-3-2025
V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hiệp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 866/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Ngọc H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số A đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có mặt. Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024, trong bản tự khai và quá trình làm việc, hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyền số 1/2014 ngày 04/10/2014 do UBND phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống không phù hợp, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã về cách chăm sóc con và chi tiêu tiền bạc. Bà đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để cho ông T cơ hội nhưng hết lần này đến lần khác ông T gây nộ nân để người ta đến nhà đe

dọa, đòi nợ. Nay bà không thể tiếp tục chịu đựng, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giữa bà và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/8/2014. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Trong bản tự khai và quá trình làm việc, hòa giải tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quá trình kết hôn và chung sống đúng như bà H đã trình bày. Vợ chồng chung sống với nhau bình thường hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2024 đến nay việc làm ăn trở lại đây có mâu thuẫn, nguyên nhân do ông làm xây dựng thường xuyên đi sớm về khuya, đồng thời việc làm ăn của ông gặp khó khăn dẫn đến nợ nần, mất khả năng chi trả, nhiều lần phải nhờ bà H trả nợ thay nên dẫn đến vợ chồng cãi và thậm chí xô xát nhau. Tuy nhiên, ông chưa đồng ý ly hôn lúc này vì ông thấy chưa hợp lý, cần có thời gian chuẩn bị tâm lý.

Về con chung, ông xác nhận giữa ông và bà H có 01 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/8/2014. Nếu phải ly hôn, ông cũng có yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Lý Ngọc H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T do mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải ngày 11/12/2024 và tham gia phiên tòa vào các ngày 05/3/2025 và 31/3/2025 nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định

tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, Điều 171, Điều 173, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 248 và Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Lý Ngọc H và ông Nguyễn Văn T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa hai bên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, bà H yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải. Hai bên có 01 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/8/2014. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà H yêu cầu tự thỏa thuận. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của bà H là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Đơn khởi kiện của bà Lý Ngọc H, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa vào các ngày 10/7/2024 và 07/8/2024 theo Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 220, khoản 3 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Tân Phú tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lý Ngọc H xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T do mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn.

Bà Lý Ngọc H và ông Nguyễn Văn T chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 1/2014 ngày 04/10/2014 tại UBND phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà H và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong chuyện tiền bạc, ông T gây nợ bà phải nhiều lần trả thay. Bà đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn nhưng rút lại để vợ chồng có cơ hội hòa giải, đoàn tụ nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Nay bà không thể tiếp tục chịu đựng nên kiên quyết xin ly hôn với ông T. Bị đơn ông Nguyễn Văn T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, xuất phát từ việc nợ nần của ông, tuy nhiên ông cần thêm thời gian để hòa giải, hiện tại

chưa muốn ly hôn. Ông T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ đến tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không đến để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, tìm cách hàn gắn tình cảm, cho thấy ông T đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân của mình, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T là có thật và trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

- *Về con chung*: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/8/2014 và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà H và ông T đều xác nhận hai bên có 01 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/8/2014 và cũng đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, ông T không đến tòa cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu về con chung của mình cho Tòa án. Hiện nay trẻ đang sống cùng bà H, do trẻ còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, để ổn định cuộc sống và tâm lý của trẻ, yêu cầu của bà H về việc nuôi con là phù hợp với quy định Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu.

- *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa bà H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tại phiên tòa bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nguyên đơn bà Lý Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 233, Điều 273 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Ngọc H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lý Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Quan hệ hôn nhân của bà H và ông T chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 1/2014 ngày 04/10/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông T không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung:* Bà H và ông T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/8/2014. Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà H không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp bà H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc bà H hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung:* Bà H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Bà Hà Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lý Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0045144 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Lý Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản sao án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Đào).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Trang